

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu bến cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày
07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị
và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết
một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình,
tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây
dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Văn bản số 2282/BXD-QHKT ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ
Xây dựng về đề án quy hoạch phân khu xây dựng khu bến cảng Diêm Điền, Khu
kinh tế Thái Bình;

Căn cứ Văn bản số 124/BGTVT-KHĐT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Giao thông vận tải về việc ý kiến đối với đề án quy hoạch phân khu 1/2.000
Khu bến cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;



Căn cứ Văn bản số 5113/CHHVN-KHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc tham gia ý kiến đối với đồ án quy hoạch phân khu 1/2.000 Khu bến cảng Diêm Điền, cảng biển Thái Bình;

Thực hiện Thông báo kết luận số 933-TB/TU ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu cảng và dịch vụ cảng Diêm Điền; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu bến cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu bến cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu bến cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2. Phạm vi và ranh giới quy hoạch

a) Vị trí quy hoạch Khu bến cảng Diêm Điền là lô đất ký hiệu 2.17 trong Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế; thuộc địa phận xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

b) Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp biển Đông.

- Phía Tây giáp đê biển số 7 và Quốc lộ 37B.

- Phía Nam giáp khu đất quy hoạch Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng.

- Phía Bắc giáp cửa Diêm Điền.

c) Tổng diện tích lập quy hoạch 221,38ha, trong đó:

- Địa giới vùng đất là: 132,12ha.

- Địa giới vùng biển là: 89,26ha.

3. Tính chất

- Là khu cảng tổng hợp, cảng hàng hóa chuyên dùng (hàng rời, container, nhiên liệu).

- Quy mô tiếp nhận tàu đến 5.000 tấn (phía trong sông) và 50.000 tấn (phía biển).

4. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Cụ thể hóa Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Xác lập kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất hợp lý, làm cơ sở pháp lý để quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng theo hướng phát triển bền vững.

c) Đề xuất các giải pháp cụ thể về quy hoạch không gian kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, hệ thống cấp điện, nước, thoát nước, san nền, vệ sinh môi trường.

d) Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý các dự án đầu tư xây dựng.

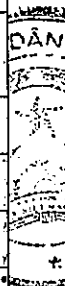
5. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình và tuân thủ các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Stt	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xd tối đa (%)	Tầng cao xd tối đa (tầng)
1		Đất khu cảng	151,73	68,54		
	C-A 1	Đất khu A 1- kho bến chuyên dùng	11,10		30	3
	C-A 2	Đất khu A 2 - bến bãi tổng hợp	4,06		30	3
	C-B 1	Đất khu B - bến bãi tổng hợp	3,80		30	3
	C-C 1	Đất khu C 1 - bến bãi tổng hợp	21,62		30	3
	C-C 2	Đất khu C 2 - bến bãi tổng hợp	37,50		30	3
	C-D 1	Đất khu D 1 - bến bãi tổng hợp	22,79		30	3
	C-D 2	Đất khu D 2 - bến bãi tổng hợp	22,49		30	3
	C-D 3	Đất khu D 3 - bến bãi tổng hợp	28,37		30	3
2	CCH	Đất công cộng, hành chính	1,76	0,79	70	5
3	TMD-	Đất thương mại dịch vụ	8,38	3,79		
	DV	- Đất dịch vụ hậu cần cảng	1,05		30	3
	TMD-1	- Thương mại dịch vụ 1	5,48		60	5
	TMD-2	- Thương mại dịch vụ 2	1,85		30	2
4		Đất cây xanh, mặt nước, thể dục thể thao	18,00	8,13		
4.1	CXM-	Đất công viên cây xanh, mặt nước	7,65			
	CXM-1	- Đất công viên cây xanh, mặt nước 1	4,47		5	2
	CXM-2	- Đất công viên cây xanh, mặt nước 2	1,86			



Handwritten signature

Stt	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xd tối đa (%)	Tầng cao xd tối đa (tầng)
	CXM-3	- Đất công viên cây xanh, mặt nước 3	0,47			
	CXM-4	- Đất công viên cây xanh, mặt nước 4	0,85			
4.2	CXT-1	Đất cây xanh thể dục thể thao (TDTT)	1,89			
4.3	CXL-	Đất cây xanh cách ly	8,46			
	CXL-1	- Đất cây xanh cách ly 1	0,76			
	CXL-2	- Đất cây xanh cách ly 2	1,23			
	CXL-3	- Đất cây xanh cách ly 3	1,37			
	CXL-4	- Đất cây xanh cách ly 4	0,72			
	CXL-5	- Đất cây xanh cách ly 5	1,80			
	CXL-6	- Đất cây xanh cách ly 6	0,46			
	CXL-7	- Đất cây xanh cách ly 7	0,47			
	CXL-8	- Đất cây xanh cách ly 8	0,40			
	CXL-9	- Đất cây xanh cách ly 9	0,82			
	CXL-10	- Đất cây xanh cách ly 10	0,43			
5	DQP	Đất quốc phòng	1,55	0,70		
6	HKT	Đất hạ tầng kỹ thuật	3,07	1,39	40	3
7		Đất giao thông cảng	36,89	16,66		
7.1	Gt	Giao thông chính ra vào cảng	27,25			
		+ Giao thông ra vào cảng (đề biên số 7)	10,30			
		+ Giao thông trục chính cảng	16,95			
7.2	Gn	Giao thông nội bộ cảng	9,64			
	P-	+ Bãi đỗ xe	4,03			
		+ Giao thông nội bộ	5,61			
		TỔNG	221,38	100,00		

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ hiện trạng khu đất trong khu vực lập quy hoạch từ + 0,10m đến + 1,20m.

- Cao độ hiện trạng tuyến đề biên số 7 đoạn đi qua khu vực lập quy hoạch từ + 4,90m đến + 5,00m.

- Cao độ san nền trung bình : + 4,00m.
- Cao độ thiết kế tim đường nội bộ trung bình: + 4,60m.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông

- Tuyến đường ra vào cảng:

+ Tuyến đường trục chính mặt cắt 1 - 1, bề rộng đường 31m (6m + 9m + 1m + 9m + 6m) nối từ đê biển số 7 đến khu bến, bãi container phía ngoài biển.

+ Tuyến đường ra vào cảng từ Quốc lộ 37 B (đường đê biển số 7) mặt cắt 2-2; bề rộng đường 20,5m (5m + 10,5m + 5m); hành lang bảo vệ 25m về phía đông và 200m về phía biển.

- Giao thông nội bộ khu vực:

+ Đường cải tạo có kí hiệu mặt cắt 3 - 3, lộ giới 32m (6m + 9m + 2m + 9m + 6m) là đoạn đường trục cảnh quan của khu vực âu thuyền và khu cây xanh công viên.

+ Đường cải tạo có kí hiệu mặt cắt 4 - 4, lộ giới 29m (6m + 17m + 6m) nằm phía Đông âu thuyền.

+ Đường cải tạo có kí hiệu mặt cắt 5 - 5, lộ giới 23,75m (6m + 11,75m + 6m) nằm phía Tây âu thuyền.

+ Các nhánh đường có kí hiệu mặt cắt 6 - 6, 7 - 7, 7* - 7* là các đoạn đường nhánh đầu nối từ tuyến đường chính vào các khu đất cảng.

+ Các nhánh đường có kí hiệu mặt cắt 8A - 8A, 9 - 9 là các đoạn đường nối từ cuối đoạn đường nhánh ra đến mép bến cảng. Mặt đường có kết cấu đồng bộ với kết cấu nền đường của các khu vực kho bãi.

c) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Nguồn điện: Theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình đã được phê duyệt, nguồn điện phục vụ sản xuất cấp cho các khu chức năng của Khu bến cảng Diêm Điền được lấy từ đường dây 22 KV Trạm 110 KV Thái Thượng.

Trong giai đoạn ngắn hạn khi trạm 110 KV Thái Thượng chưa được đầu tư, nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ Trạm biến áp 110 KV Thái Hưng công suất 2x40 MVW.

- Tổng nhu cầu dùng điện: 36.100 KW.

- Giải pháp cấp điện:

+ Mạng lưới đường điện trung áp được xây dựng theo dạng mạch vòng kín đảm bảo cấp điện liên tục cho công trình. Đường cáp dẫn từ điểm đầu nối với đường điện 22 KV đến Trạm biến áp bằng cáp bọc tiêu chuẩn.

+ Lưới điện hạ thế có cấp điện áp 380/220 V được hạ ngầm, cấp từ Trạm biến áp dẫn đến tủ điện tổng của từng ô chức năng, từng công trình. Hệ thống cáp hạ thế sử dụng loại cáp lõi đồng cách điện.

- Giải pháp bố trí điện chiếu sáng: Tùy theo chiều rộng của đường và theo kết quả tính toán sẽ bố trí hàng cột chiếu sáng một bên, hai bên hoặc giữa dải phân cách, khoảng cách giữa các cột từ 30m - 40m.

Mhe

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ Nhà máy nước quy hoạch của Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng, công suất 50.000 m³/ngày đêm.

- Vị trí đầu nối: Đầu nối vào vị trí ống D=300mm trên tuyến đường đê biển phía Bắc khu vực quy hoạch.

- Nhu cầu dùng nước: $Q = 6.750 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Giải pháp thiết kế mạng lưới cấp nước:

+ Hệ thống cấp nước bao gồm mạng lưới đường ống phân phối, dịch vụ và các công trình trên tuyến.

+ Mạng lưới đường ống truyền tải, phân phối sử dụng ống D=(100- 150)mm, bố trí dạng mạng vòng kết hợp với mạng nhánh để cấp nước tới các điểm tiêu thụ và các khu vận hành quản lý.

+ Bố trí các họng cứu hoả theo quy định về phòng cháy và chữa cháy, khoảng cách trung bình của các họng cứu hỏa là 150m, các họng cứu hỏa được lắp đặt và đầu nối vào hệ thống đường ống phân phối D=100mm và được bố trí tại các vị trí thuận lợi như các ngã ba, ngã tư,... thuận tiện cho việc tiếp cận của các thiết bị chữa cháy.

đ) Quy hoạch hệ thống thoát nước

* Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mặt được bố trí riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và được chia làm 02 loại:

+ Loại 1: Thu gom phần nước mặt xung quanh khu kho bãi, khu bến tổng hợp và container sau đó thoát ra biển.

+ Loại 2: Thu gom phần nước mặt xung quanh khu bến chuyên dùng sau đó được xử lý lắng sơ bộ tại hồ điều hòa rồi thoát ra biển.

- Nước mưa được thu gom bằng các hố ga bố trí dọc theo các tuyến đường với khoảng cách trung bình từ 40-50 m/01 hố.

- Nước mặt và nước mưa được chuyên tải thông qua hệ thống cống bê tông cốt thép xây dựng trên vỉa hè các tuyến đường, kích thước D=(600 – 1.000) mm. Các tuyến cống được thiết kế theo chế độ tự chảy.

* Thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý tại Trạm xử lý nước thải nằm trong từng khu vực đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thu về hệ thống thoát nước thải chung.

- Nước thải trong quá trình sản xuất, vận hành kho xăng dầu được thu gom về các khu vực xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

e) Vệ sinh môi trường

- Tổng lượng chất thải rắn trong khu quy hoạch khoảng 62,8 tấn/ngày.

Handwritten signature

+ Các nơi công cộng phải bố trí các thùng đựng rác và các nhà vệ sinh công cộng đảm bảo theo quy định.

+ Các điểm tập kết chất thải rắn bố trí trong khu vực cây xanh, vừa đảm bảo cảnh quan lại hạn chế ô nhiễm do mùi phát sinh từ chất thải rắn.

+ Toàn bộ rác thải được thu gom và vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải tập trung của Khu kinh tế theo quy định.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc được kết nối từ Trạm thu phát sóng di động (BTS) xây dựng trên khu đất điều hành và dịch vụ công cộng của Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng. Các đường cáp hạ ngầm đồng bộ với các hệ thống hạ tầng như cấp điện, cấp nước, thoát nước dẫn từ Trạm BTS đến từng khu vực có nhu cầu.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường

Xác định nguồn gây ô nhiễm và khoảng cách ly, mức độ tác động tích cực tiêu cực trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành khai thác sử dụng.

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và kiểm soát môi trường:

a) Bảo vệ môi trường nước mặt:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại, thu gom về hệ thống thoát nước thải chung.

- Đối với rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp được phân loại ngay tại nguồn phát sinh trước khi được thu gom hàng ngày về khu xử lý chất thải rắn tập trung của Khu kinh tế để xử lý.

b) Bảo vệ môi trường biển:

- Phòng ngừa sự cố tràn dầu xảy ra tại các bến: Thành lập đội phản ứng nhanh và phối hợp với các đơn vị chuyên cứu hộ sự cố tràn dầu của địa phương; trang bị các trang thiết bị, phương tiện để vớt và thu gom dầu trên sông; trang bị và thiết lập các cầu nối thông tin liên lạc giữa tổng kho với các lực lượng cứu hộ bên ngoài và các cơ quan quản lý môi trường; thường xuyên luyện tập đối với các tình huống có thể dẫn đến sự cố tràn dầu theo định kỳ.

- Thực hiện các biện pháp ứng phó khi có sự cố.

- Tổ chức và triển khai toàn bộ hệ thống chữa cháy trong khu vực xảy ra sự cố trên bờ và dưới nước.

9. Giải pháp trồng rừng phòng hộ thay thế

Đất rừng phòng hộ ven biển: Khu vực quy hoạch cảng phải thu hồi phần diện tích rừng phòng hộ ven biển khoảng 53,13ha nằm ngoài tuyến đê biển số 7 thuộc địa phận xã Thái Thượng. Diện tích rừng ngập mặn sẽ được trồng thay thế nằm ở một phần diện tích khoảng 160ha khu vực chân đê quai biển mới phía Đông Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng; phần còn lại sẽ được trồng bổ sung ở các khu vực phía Nam khu quy hoạch và các khu khác đảm bảo đủ phần diện tích rừng đã chuyển đổi.

(Có bản vẽ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu bến cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy kèm theo)

Mhe

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật;
2. Xin ý kiến và được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền khi sử dụng diện tích đất rừng, không gian thoát lũ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *Wc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương; Quốc phòng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP. *W*

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành
Nguyễn Tiến Thành